

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- TUYỀN QUANG

Căn cứ Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 61/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:*

+ Chị Nguyễn Thị Nguyệt M, sinh năm 1989; CCCD số 002189002646 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021.

+ Anh Nguyễn Lê H, sinh năm 1988; CCCD số 002088011084 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 14/9/2021.

Cùng địa chỉ: , tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 03 năm 2026, chị Nguyễn Thị Nguyệt M và anh Nguyễn Lê H đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc Hôn nhân và gia đình, cụ thể như sau:

[1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nguyệt M và anh Nguyễn Lê H nhất trí đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị M và anh H thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 26/3/2018 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/01/2026 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi chung là 2.500.000đ/tháng/con cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị M là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu N và cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H được quyền đi lại để chăm sóc, thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Nguyệt M tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nguyệt M và anh Nguyễn Lê H tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân N, sinh ngày 26/3/2018 và cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/01/2026 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung là 2.500.000đ/tháng/con cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị M là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu N và cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh H được quyền đi lại để chăm sóc, thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Nguyệt M tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0000305 ngày 25/02/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;

THẨM PHÁN

- VKSND KV4- TQ;
- TAND tỉnh TQ;
- THADS TQ;
- UBND P H;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Đỗ Thị Kim Quy